

## Các yếu tố xã hội có liên quan đến hành vi bạo lực học đường của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội

(Nghiên cứu trường hợp 2 trường THPT tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội)

Dương Thị Thu Hương

Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích số liệu điều tra từ 500 mẫu nghiên cứu tại 2 trường THPT tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội về thực trạng và các yếu tố xã hội có liên quan đến hành vi bạo lực, bị bạo lực và chủ động tự gây thương tích cho học sinh tại địa bàn nghiên cứu. Kết quả phân tích tương quan có kiểm định và hồi quy đa biến cho thấy bạo lực học đường phổ biến hơn ở các nam sinh. Các yếu tố thuộc về gia đình như: mức độ gắn kết bền chặt giữa gia đình và học sinh, bố mẹ sống chung, trình độ học vấn của bố và mẹ là yếu tố bảo vệ học sinh khỏi các hành vi bạo lực, kể cả việc tự gây thương tích. Trong khi đó, việc cha mẹ hay thành viên gia đình từng có hành vi bạo lực, cha mẹ dùng bạo lực với con cái là yếu tố nguy cơ đối với hành vi gây bạo lực học đường ở học sinh THPT. Ngoài ra, việc lạm dụng mạng xã hội (sử dụng trung bình trên 4 tiếng/ngày) là yếu tố có liên quan đến hành vi gây bạo lực và tự gây thương tích cho bản thân. Việc có nhiều hành vi rủi ro (hút thuốc lá, sử dụng bia rượu, shisha, chất gây nghiện...) là yếu tố giải thích cho hành vi gây bạo lực. Những học sinh đã từng gây bạo lực với học sinh khác đồng thời có liên quan đến việc bị bạo lực và tự gây thương tích cho bản thân.

**Từ khoá:** Bạo lực học đường; Tự gây thương tích; Bắt nạt; Doạ nạt.

## **1. Giới thiệu**

Trong những năm gần đây, bạo lực học đường đã trở thành một hiện tượng đáng quan tâm trong xã hội vì có chiều hướng diễn ra phổ biến, trở thành nỗi ám ảnh đối với cha mẹ, những người chứng kiến và xã hội nói chung. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong năm học 2009 – 2010, ước tính có khoảng 1.598 vụ học sinh đánh nhau trong và ngoài trường học trên toàn quốc, trong đó bao gồm cả những vụ nghiêm trọng gây tử vong (Trích lại Phan Thuận, 2014: 66).

Bạo lực học đường đã và đang để lại những hậu quả nghiêm trọng cho các cá nhân, gia đình và sự phát triển bền vững của xã hội. Đối với cá nhân, nó gây ảnh hưởng cả về sức khoẻ thể chất và những vết sẹo tinh thần, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng phát triển, học tập, nhân cách và tương lai của học sinh. Gia đình có con em có hành vi bạo lực hay là nạn nhân của bạo lực có thể phải đối mặt với những áp lực về cả vật chất và tinh thần. Bạo lực gia tăng tại trường học gây ảnh hưởng xấu tới môi trường giáo dục, nơi mà tính tốt đẹp, nhân văn cần được đề cao, đồng thời ảnh hưởng đến văn hoá, thuần phong mỹ tục của đất nước, sự ổn định và phát triển của một quốc gia (Lê Thị Hiền, 2014: 17).

Về khái niệm, theo Tổ chức Y tế thế giới (1996), bạo lực là hành vi sử dụng vũ lực hoặc quyền lực một cách có chủ ý, nhằm mục đích đe doạ hoặc hành động nhằm chống lại mình, một người khác hoặc một nhóm, tập thể. Hậu quả của bạo lực không chỉ là sức khoẻ thể chất như dẫn đến thương vong, tử vong, dị dạng mà những tổn thương, mất mát về tâm lý (Trích lại Agnich, 2011: 1). Đối với bạo lực học đường, hầu hết các tác giả đều thống nhất cho rằng đây là hành vi bạo lực được diễn ra trong môi trường học đường (trong hoặc ngoài nhà trường), hoặc được thực hiện bởi học sinh lứa tuổi học đường (Huỳnh Văn Sơn, 2014: 58). Bạo lực học đường thường chia làm 2 loại: (i) bạo lực thể chất (đánh nhau, gây gổ) có thể dẫn đến ảnh hưởng cả về thể chất, tinh thần (lo sợ không muốn đến trường, bỏ học) và (ii) bạo lực tinh thần. Bạo lực tinh thần trong môi trường học đường thường được nhắc đến phổ biến hơn bằng thuật ngữ khác như bắt nạt, đe doạ. Hiện nay với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc bắt nạt, đe doạ diễn ra không chỉ dưới hình thức trực tiếp, mà còn phổ biến thông qua hình thức gián tiếp như đe doạ, uy hiếp qua tin nhắn, mạng xã hội. Ngoài ra, cũng theo định nghĩa của Tổ chức Y tế Thế giới thì

còn một hình thức nữa, đó là tự gây bạo lực với bản thân, hay nói cách khác là tự gây thương tích cho bản thân cũng có thể xem là một hình thức bạo lực học đường của học sinh.

Từ những phân tích nói trên, bài viết này tập trung phân tích thực trạng bạo lực học đường ở 3 khía cạnh: (i) Thực trạng đã từng gây ra bạo lực: tham gia gây gổ, đánh nhau; đe doạ, doạ nạt bạn bè trong, ngoài trường; dùng lời lẽ xúc phạm, uy hiếp trên mạng xã hội, tin nhắn; (ii) Thực trạng bị bạo lực: bị đánh ở trong, ngoài trường; bị bắt nạt, doạ nạt; bị dùng lời lẽ xúc phạm, uy hiếp, đe doạ trên mạng xã hội, tin nhắn; và (iii) Chủ động tự gây bạo lực cho bản thân: tự gây thương tích cho bản thân.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp thu thập thông tin:* Nghiên cứu sử dụng phương pháp thu thập thông tin định lượng bằng bảng hỏi với các câu hỏi và các phương án trả lời có sẵn. Bảng hỏi đề cập đến các hành vi nguy cơ ở học sinh THPT, trong đó bạo lực là một trong các nội dung chính được hỏi. Bảng hỏi được thiết kế phù hợp để học sinh tự điền thông tin vào phiếu hỏi với sự hỗ trợ, giải đáp của các điều tra viên trong các trường hợp cần thiết.

Những học sinh được chọn vào mẫu nghiên cứu được thông báo về việc họ được chọn hoàn toàn ngẫu nhiên vào mẫu nghiên cứu, sau đó được thông báo về mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu, các nội dung trong bảng hỏi, cách thức điền bảng hỏi. Đặc biệt học sinh được thông báo về tính khuyết danh của nghiên cứu, việc tham gia nghiên cứu là hoàn toàn tự nguyện, và có thể rút khỏi nghiên cứu ở bất cứ giai đoạn nào của nghiên cứu.

*Phương pháp chọn mẫu:* Nghiên cứu được tiến hành ở 2 trường THPT thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, trong đó có 1 trường công lập, với quy mô 1.300 học sinh và 1 trường ngoài công lập với 960 học sinh thuộc cả 3 khối. Do tính khuyết danh của nghiên cứu nên tên trường sẽ không được đề cập cụ thể trong báo cáo.

Tại mỗi trường, 6 lớp học thuộc 3 khối sẽ được chọn ngẫu nhiên vào mẫu nghiên cứu. Cụ thể, mỗi khối chọn 2 lớp ngẫu nhiên theo hình thức gấp th ámb. Tại mỗi lớp, số học sinh từ chối không tham gia nghiên cứu hoặc bỏ dở việc điền bảng hỏi là không đáng kể, chỉ khoảng từ 1 – 2 học sinh. Kết quả là có 12 lớp thuộc 3 khối học tại 2 trường THPT thuộc quận Hoàn Kiếm được lựa chọn vào nghiên cứu, với tổng số học sinh được chọn

#### 54 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 26, số 4, tr. 51-63

vào mẫu nghiên cứu và đã hoàn thành bảng hỏi là 499 học sinh.

*Biến số nghiên cứu:* Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng hành vi bạo lực học đường và chỉ giới hạn ở khía cạnh bạo lực giữa học sinh với học sinh với nhau mà không đề cập đến bạo lực giữa học sinh và thầy cô giáo. Thực trạng bạo lực học đường giữa học sinh với học sinh sẽ được triển khai ở 3 nội dung:

- Tham gia gây ra bạo lực: gồm có gây gổ, đánh nhau; bắt nạt, doạ nạt học sinh khác; dùng lời lẽ xúc phạm, uy hiếp thông qua mạng xã hội, tin nhắn đối với học sinh khác.
- Bị bạo lực: bao gồm bị đánh; bị bắt nạt, đe doạ, uy hiếp (trực tiếp); bị uy hiếp, đe doạ, dùng lời lẽ xúc phạm trên mạng xã hội, tin nhắn.
- Tự gây thương tích: gây bạo lực đối với bản thân.

Ngoài ra, nghiên cứu xem xét các biến số có khả năng có liên quan đến hành vi bạo lực của học sinh, cụ thể bao gồm:

- Biến số đặc điểm cá nhân học sinh: giới tính, học lực, trường học (công lập, ngoài công lập), khối học.
- Đặc điểm gia đình: tình trạng học vấn của bố và mẹ; tình trạng hôn nhân của bố mẹ; mức độ gắn kết gia đình; gia đình có thành viên có hành vi bạo lực.
- Đặc điểm bạn bè và mức độ gắn kết nhà trường: số lượng bạn bè trên mạng xã hội và thời gian sử dụng mạng xã hội; có/dã từng có người yêu; bạn thân hay bạn trong nhóm chơi chung có hành vi bạo lực; mức độ gắn kết với trường học (bao gồm gắn kết với thầy cô, bạn bè và môi trường học tập tại trường).

Đối với các biến số như tình trạng học vấn của bố và mẹ, mức độ gắn kết gia đình, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp cộng biến để tạo ra biến số tổng hợp. Ví dụ, tình trạng học vấn của bố mẹ là biến số tổng hợp của tổng giữa trình độ học vấn của bố và trình độ học vấn của mẹ, với điểm số càng cao thể hiện bố mẹ có trình độ học vấn càng cao (biến số học vấn chạy từ 0 đến 5, tương ứng với các mức: không biết đọc, biết viết; tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp và cao đẳng; đại học và trên đại học), và biến số tổng hợp càng có điểm số cao thể hiện bố và mẹ có trình độ học vấn càng cao.

Mức độ gắn kết gia đình là biến số tổng hợp của 17 câu hỏi thể hiện: mức độ quan hệ thân thiết, gần gũi, mức độ thấu hiểu, mức độ hỗ trợ, giám sát, khuyên bảo, mức độ tham gia, mức độ quan tâm, là chỗ dựa tâm lý, tình cảm. Thang đo khoảng chạy từ 1 đến 5 được sử dụng để học sinh tự cho điểm đánh giá đối với từng câu hỏi cụ thể. Thang tổng hợp về mức độ gắn kết có điểm số càng cao thể hiện mức độ gắn kết gia đình càng bền chặt. Tương tự như vậy là biến số gắn kết nhà trường được tổng hợp từ 15 câu hỏi thể hiện mức độ gắn kết với thầy cô giáo, bạn bè, môi trường học tập tại trường.

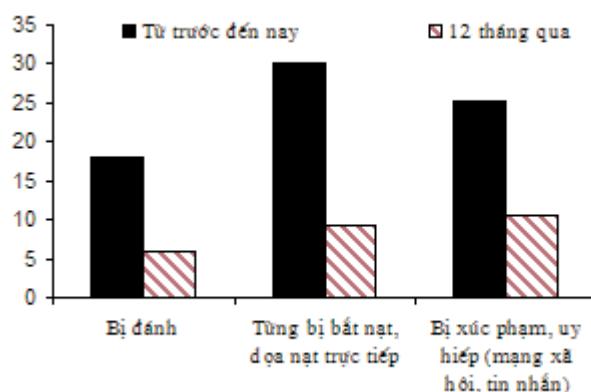
*Phân tích số liệu:* Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS nhằm hỗ trợ quá trình phân tích số liệu, trong đó sử dụng các kỹ thuật phân tích số liệu cơ bản như phân tích tương quan có kiểm định, hồi quy tuyến tính đa biến và hồi quy logistic đa biến.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Thực trạng bạo lực học đường của học sinh THPT quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Về thực trạng bị bạo lực của học sinh THPT, kết quả nghiên cứu cho thấy có gần 45% học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu đã từng phải trải qua ít nhất một hình thức bạo lực (thể chất hoặc tinh thần, trực tiếp hay gián tiếp). Trong đó, 14,2% cho rằng họ đã từng bị ít nhất 2 loại bạo lực

**Biểu đồ 1. Thực trạng bị bạo lực học đường của học sinh THPT (%)**



## **56 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 26, số 4, tr. 51-63**

và có 7,4% học sinh trong mẫu nghiên cứu trả lời họ đã từng trải qua cả 3 hình thức bạo lực.

Cụ thể, tỉ lệ học sinh từng bị bắt nạt, doạ nạt trực tiếp là phổ biến nhất (31%), sau đó đến hình thức bị xúc phạm, uy hiếp gián tiếp thông qua mạng xã hội, tin nhắn (25%). 18% học sinh trả lời đã từng bị đánh (trong hoặc ngoài trường học) và đây là một tỉ lệ không nhỏ. Số liệu cho thấy việc sử dụng mạng xã hội, tin nhắn điện thoại nhầm đe doạ, xúc phạm nhau đang có xu hướng trở nên phổ biến hơn trong nhóm học sinh THPT tại địa bàn nghiên cứu.

Gần tương đồng với hành vi bị bạo lực, có 40% học sinh trong mẫu nghiên cứu thừa nhận họ đã từng tham gia ít nhất 1 trong số 3 loại bạo lực, còn lại 60% học sinh chưa từng liên quan đến bất kỳ hình thức bạo lực nào. Như vậy, tỉ lệ học sinh đã từng tham gia ít nhất một hình thức bạo lực với học sinh khác là đáng kể và đáng quan tâm, trong đó đáng chú ý là 14,5% học sinh trong mẫu nghiên cứu từng có đến 2 hình thức bạo lực và 7,2% từng có cả 3 loại hành vi bạo lực với bạn bè.

Ngoài việc gây bạo lực và bị bạo lực, số liệu nghiên cứu cũng cho thấy có tới hơn 20% học sinh thông báo rằng họ đã từng tự gây thương tích cho bản thân. Trong 12 tháng qua, tỉ lệ học sinh tự gây thương tích cho bản thân là gần 9%.

Từ số liệu nghiên cứu tại quận Hoàn Kiếm cho thấy tình trạng bạo lực học đường trong nhóm học sinh THPT là rất đáng quan tâm và cần có những giải pháp kịp thời hỗ trợ học sinh vượt qua những xung đột, mâu thuẫn và hạn chế những hành vi bạo lực đối với bản thân học sinh và những người xung quanh.

### **3.2. Những yếu tố xã hội có liên quan đến hành vi bạo lực**

Như đã đề cập đến trong phần phương pháp, nghiên cứu tìm hiểu các yếu tố xã hội thuộc đặc điểm cá nhân, gia đình, bạn bè học sinh có liên quan đến cả 3 hình thức bạo lực: bị bạo lực, gây bạo lực và tự gây bạo lực, gây thương tích cho bản thân nhằm xác định những đặc trưng của các nhóm có nguy cơ chịu bạo lực hoặc gây ra bạo lực.

Về giới tính học sinh, số liệu nghiên cứu cho thấy nam học sinh có xu hướng bị bạo lực và gây bạo lực cao hơn so với nữ. Tuy nhiên, sự khác biệt thực sự mang ý nghĩa thống kê chủ yếu ở 3 loại hành vi như: bị đánh; tham

**Bảng 1. Hành vi gây bạo lực, bị bạo lực, tự gây thương tích phân theo giới tính (%)**

<b>Hành vi bạo lực, bị bạo lực, tự gây thương tích</b>	<b>Học sinh nữ</b>		<b>Học sinh nam</b>	
	<b>Số lượng (238)</b>	<b>%</b>	<b>Số lượng (261)</b>	<b>%</b>
Từng bị đánh	25	10,5***	64	24,5***
Từng tham gia gây gổ, đánh nhau với bạn bè	58	24,7**	93	35,6**
Từng bị bắt nạt, doạ nạt (trực tiếp)	65	27,9	87	33,3
Từng đi đe doạ, bắt nạt, bạn bè (trực tiếp)	47	19,8**	73	28,8**
Bị người khác dùng lời lẽ xúc phạm, uy hiếp, đe doạ trên trang mạng xã hội, tin nhắn	63	26,6	62	23,8
Dùng lời lẽ xúc phạm, uy hiếp, đe doạ trên trang mạng xã hội, tin nhắn	34	14,3	37	14,2
Tự gây thương tích cho bản thân	54	23	47	18

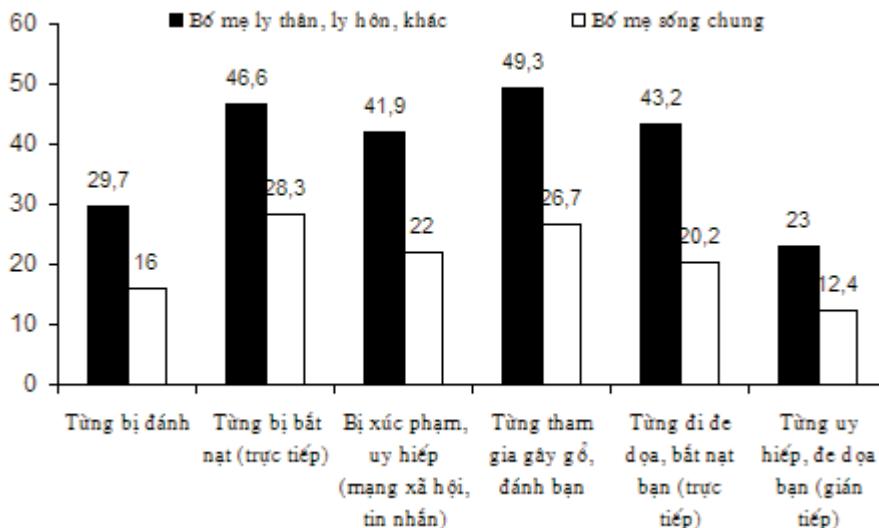
Mức ý nghĩa thống kê: \* P<0,1    \*\* P<0,05    \*\*\* P<0,001

gia gây gổ, đánh nhau với bạn bè, đe doạ, bắt nạt bạn bè trực tiếp. Các em nữ có xu hướng bị người khác dùng lời lẽ xúc phạm, uy hiếp trên mạng xã hội cao hơn so với các em nam, mặc dù sự khác biệt này chưa thực sự mang ý nghĩa thống kê.

Xét về các đặc trưng gia đình trong mối tương quan với các hành vi bạo lực của học sinh THPT, kết quả nghiên cứu cho thấy đặc điểm hôn nhân của bố mẹ (bố mẹ sống chung hay ly thân/ly hôn) tuy không quan hệ chặt với hành vi tự gây thương tích cho bản thân, nhưng lại có liên hệ chặt chẽ với hành vi gây ra bạo lực và kể cả việc từng bị bạo lực.

Ở nhóm học sinh cha mẹ hiện vẫn đang sống chung, tỉ lệ học sinh bị bạo lực cũng như gây ra bạo lực (ở cả 3 loại hành vi) đều thấp hơn đáng kể so với nhóm học sinh có cha mẹ đã ly thân, ly hôn. Học sinh từng bị bạo lực từ gia đình (bố mẹ, người thân) có xu hướng có hành vi bạo lực với học sinh khác trong và ngoài trường (đúng với cả 3 loại) cao hơn đáng kể so với học sinh chưa từng bị bạo lực từ gia đình. Học sinh từng chịu bạo lực từ gia đình cũng là những người có tỉ lệ tự gây thương tích cho bản

**Biểu đồ 2. Tình trạng hôn nhân bố, mẹ và thực trạng hành vi bạo lực học sinh (%)**



thân cao gấp hơn 2 lần với những học sinh chưa từng chịu bạo lực gia đình (30% so với 14%).

Nhằm có cái nhìn tổng hợp về các yếu tố cá nhân, gia đình, bạn bè có liên quan đến hành vi bạo lực của học sinh THPT tại địa bàn nghiên cứu, phân tích hồi quy đa biến được áp dụng đối với biến phụ thuộc là hành vi bạo lực, bị bạo lực và hành vi tự gây thương tích cho bản thân.

Đối với biến phụ thuộc là hành vi gây bạo lực và bị bạo lực, đây là những biến số tổng hợp của 3 loại bạo lực: gây gổ đánh nhau/bị đánh; bắt nạt, đe doạ/bị bắt nạt, đe doạ trực tiếp; xúc phạm, đe doạ trên mạng xã hội, tin nhắn/bị xúc phạm, đe doạ trên mạng xã hội, tin nhắn. Do vậy, biến số hành vi bạo lực và biến số bị bạo lực sẽ là biến số liên tục chạy từ 0 đến 3, trong đó 0 có nghĩa là không tham gia hoặc không bị/chịu hình thức bạo lực nào, và 3 có nghĩa là tham gia hoặc bị/chịu cả 3 hình thức bạo lực. Do 2 biến số này là biến liên tục, nên hồi quy đa biến tuyến tính sẽ được áp dụng. Đối với hành vi tự gây thương tích, do đây là biến nhị phân (có và không) nên hồi quy đa biến logistic sẽ được áp dụng.

Phân tích hồi quy đa biến cho thấy yếu tố góp phần làm giảm số lượng hành vi bạo lực do học sinh gây ra chính là mức độ gắn kết gia đình. Trong khi đó, nhóm yếu tố thúc đẩy hành vi gây bạo lực của học sinh THPT bao

**Bảng 2. Hồi quy đa biến các yếu tố giải thích hành vi gây bạo lực**

<b>Biến số</b>	<b>B</b>	<b>Stand. Beta</b>
Giới tính (nam=1; nữ=0)	.31**	.16
Loại trường (công lập=1; ngoài công lập=0)	-.04	-.02
Học lực kỳ học vừa qua (giỏi & khá=1; trung bình & kém=0)	-.08	-.03
Hôn nhân bố mẹ (sống chung=1; không sống chung=0)	-.19	-.07
Trình độ học vấn của bố và mẹ	-.03	-.06
Có ít nhất 1 thành viên trong gia đình từng gây gổ, đánh nhau (có=1; không=0)	.28***	.12
Mức độ gắn kết gia đình	-.01**	-.1
Có người yêu (đã từng/hiện đang có=1; chưa có=0)	.12	.06
Số bạn bè trên mạng xã hội (từ 1000 bạn trở lên=1; dưới 1000 bạn=0)	.23**	.09
Thời gian sử dụng mạng xã hội (trên 4 tiếng/ngày=1; dưới 4 tiếng/ngày=0)	.35***	.18
Có nhiều hành vi rủi ro trong số các hành vi: hút thuốc lá, sử dụng bia rượu, sử dụng chất gây nghiện, chất kích thích, hút shisha (biến liên tục từ 0 đến 3: 0-không có hành vi rủi ro; 3-từ 3 hành vi rủi ro trở lên)	.20***	.22
Đã từng bị bạo lực từ gia đình (đã từng=1; chưa từng=0)	.22**	.11

N=499; R square=0,30; P=0,000

Mức ý nghĩa thống kê: \* P<0,1    \*\* P<0,05    \*\*\* P<0,001

gồm: nam giới, có nhiều hành vi rủi ro (trong số 5 hành vi: hút thuốc lá, sử dụng bia rượu, hút thuốc, hút shisha, sử dụng chất gây nghiện, chất gây ảo giác), dành nhiều thời gian sử dụng mạng xã hội (trung bình trên 4 tiếng/ngày; có quá nhiều bạn bè trên mạng xã hội (trên 1000 bạn) và gia đình có thành viên đã từng gây gổ, đánh nhau, đã từng bị bạo lực gia đình. Mô hình hồi quy đa biến cho thấy không đủ bằng chứng xác định mối liên hệ giữa tình trạng hôn nhân bố mẹ và hành vi bạo lực của học sinh như trong phân tích tương quan hai biến số.

Bảng 3. Hồi quy đa biến các yếu tố giải thích thực trạng bị bạo lực

Biến số	B	Stand. Beta
Giới tính (nam=1; nữ=0)	.25**	.13
Loại trường (công lập=1; ngoài công lập=0)	-.09	-.05
Học lực (giỏi & khá=1; trung bình & kém=0)	.12	.06
Tình trạng hôn nhân bố mẹ (sống chung=1; không sống chung=0)	-.21	-.08
Trình độ học vấn của bố và mẹ	-.04*	-.09
Có ít nhất 1 thành viên trong gia đình từng gây gổ, đánh nhau (có=1; không=0)	.22**	.10
Mức độ gắn kết gia đình	-.01	-.07
Có người yêu (đã từng/hiện có=1; chưa có=0)	-.02	-.01
Số bạn bè trên mạng xã hội (từ 1000 bạn trở lên=1; dưới 1000 bạn=0)	.10	.04
Thời gian sử dụng mạng xã hội (trên 4 tiếng/ngày=1; dưới 4 tiếng/ngày=0)	.22**	.11
Gắn kết nhà trường	-.01**	-.11
Biến số tổng hợp gây bạo lực (chạy từ 0 đến 3: 0=không có hành vi bạo lực nào; 3=có cả 3 loại hành vi bạo lực.)	.24***	.24
N=499; R square=0,22; P=0,000		

Mức ý nghĩa thống kê: \* P<0,1    \*\* P<0,05    \*\*\* P<0,001

Về thực trạng bị bạo lực của học sinh THPT, nghiên cứu cũng sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến nhằm đánh giá những yếu tố xã hội có liên quan đến hành vi tổng hợp bị bạo lực (biến tổng hợp của cả 3 loại bạo lực). Kết quả cho thấy các biến số độc lập giải thích được 22,3% sự thay đổi của biến phụ thuộc. Những yếu tố giải thích có ý nghĩa thống kê bao gồm: giới tính, thời gian sử dụng mạng xã hội (trên 4 tiếng), nhiều bạn bè trên mạng xã hội (trên 1000 bạn), có nhiều hành vi bạo lực, gia đình có thành viên có hành vi bạo lực, trình độ học vấn của bố mẹ và sự gắn kết nhà trường.

Phân tích ở Bảng 3 còn cho thấy việc lạm dụng mạng xã hội không chỉ

liên quan đến hành vi bạo lực mà liên quan cả đến hành vi bị bạo lực. Biến số tổng hợp gây ra bạo lực cũng là yếu tố có liên quan đến việc bị bạo lực ở học sinh THPT. Thực tế khi chưa đưa biến số tổng hợp hành vi gây bạo lực vào mô hình, hệ số giải thích của mô hình chỉ là 18,2%, và hệ số này đã tăng lên 22,3% khi bổ sung thêm biến số tổng hợp gây bạo lực của học sinh, như vậy mô hình đa biến đã được cải thiện tốt hơn với biến số giải thích là hành vi gây bạo lực. Ngoài ra, mối quan hệ gắn kết bền chặt với nhà trường và bố mẹ có trình độ học vấn cao là những yếu tố bảo vệ các học sinh THPT khỏi việc bị bạo lực học đường.

Đối với hành vi tự gây thương tích cho bản thân, nghiên cứu sử dụng mô hình đa biến logistic phân tích với biến phụ thuộc nhị phân (đã từng chủ động tự gây thương tích cho bản thân và chưa từng chủ động tự gây thương tích cho bản thân). Phân tích mô hình cho thấy đây chưa thực sự là mô hình tốt giải thích các yếu tố liên quan đến hành vi chủ động gây thương tích cho bản thân học sinh (do chỉ số -2 Log likelihood tương đối

**Bảng 4. Hồi quy đa biến logistic giải thích hành vi tự gây thương tích của học sinh THPT**

Biến số	B	Wald	Sai số chuẩn (SE)
Giới tính (nam=1; nữ=0)	.54**	4.44	.25
Có người yêu (đã từng/hiện đang có=1; chưa có=0)	- .51*	3.46	.28
Tình trạng hôn nhân bố mẹ (sống chung=1; không sống chung=0)	.60*	2.80	.36
Trình độ học vấn của bố và mẹ (điểm số càng cao thể hiện trình độ học vấn của cả bố và mẹ càng cao)	- .10	2.65	.06
Mức độ gắn kết gia đình	- .02**	4.67	.01
Tổng hợp 3 hành vi gây bạo lực	.64***	26.79	.12
<b>N=499 học sinh</b>			

Mức ý nghĩa thống kê: \* P<0,1    \*\* P<0,05    \*\*\* P<0,001

## **62 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 26, số 4, tr. 51-63**

lớn), tuy nhiên mô hình cũng tìm ra được các yếu tố giải thích cho hành vi này ở học sinh THPT tại địa bàn nghiên cứu. Hai yếu tố góp phần thúc đẩy hành vi tự gây thương tích trong học sinh là yếu tố giới tính (nam) và việc từng có nhiều loại hành vi gây bạo lực khác nhau. Ba yếu tố giúp bảo vệ học sinh khỏi hành vi tự gây thương tích cho bản thân là mức độ gắn kết với gia đình, việc bố mẹ sống chung và việc học sinh đã từng hoặc đang có người yêu. Tuy nhiên, trong các yếu tố có mối quan hệ với hành vi tự gây thương tích thì yếu tố đã từng tham gia gây bạo lực (ở nhiều loại trong tổng số 3 loại hành vi gây bạo lực được đề cập) có mức ý nghĩa thống kê cao nhất giải thích cho biến phụ thuộc. Điều này có nghĩa là, học sinh càng có xu hướng gây bạo lực cho những học sinh khác thì đồng thời cũng có khả năng cao tự gây bạo lực cho chính mình. Nếu hành vi gây bạo lực cho người khác làm tăng nguy cơ tự gây thương tích cho bản thân thì mức độ gắn kết gia đình bền chặt lại giúp làm giảm nguy cơ tự gây thương tích cho bản thân ở học sinh (với  $p < 0,05$ ). Tình trạng có người yêu hay bố mẹ không sống chung có mối quan hệ làm tăng nguy cơ tự gây thương tích, tuy nhiên mức ý nghĩa thống kê rất thấp và ở mức thấp nhất. Chi tiết về các chỉ số thống kê được đề cập ở bảng 4.

### **4. Kết luận**

Nghiên cứu đã cho thấy bức tranh tổng thể về hành vi bạo lực, trong đó bao gồm cả hành vi bị bạo lực, gây bạo lực và tự gây thương tích cho bản thân của học sinh THPT tại quận Hoàn Kiếm. Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng bạo lực học đường là vấn đề rất cần quan tâm đối với học sinh THPT. Khoảng 45% học sinh đã từng chịu ít nhất một hình thức bạo lực thể chất hoặc tinh thần và khoảng 40% học sinh thừa nhận đã từng gây ra bạo lực thể chất hoặc tinh thần với bạn bè trong và ngoài trường học. Tỉ lệ học sinh từng chủ động gây thương tích cho bản thân cũng khá cao: 20% và 10% học sinh trong mẫu nghiên cứu đã từng chủ động tự gây thương tích cho bản thân trong 12 tháng vừa qua.

Phân tích đa biến cho thấy mức độ gắn kết gia đình bền chặt là yếu tố bảo vệ học sinh không tham gia gây bạo lực cũng như không chủ động tự gây thương tích cho bản thân. Việc bố mẹ sống chung cũng góp phần bảo vệ học sinh khỏi các hành vi tự gây thương tích cho bản thân hoặc nguy cơ bị bạo lực tinh thần từ bạn bè. Gia đình có lịch sử có hành vi bạo lực là yếu tố nguy cơ đối với cả hành vi gây bạo lực và bị bạo lực ở học sinh THPT.

Ngoài ra, bố mẹ có trình độ học vấn cao cũng là yếu tố bảo vệ học sinh khỏi các xung đột với bạn bè hoặc hành vi tự gây thương tích cho bản thân.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc lạm dụng mạng xã hội: dành quá nhiều thời gian sử dụng mạng xã hội hay có quá nhiều bạn bè trên mạng xã hội cũng là yếu tố nguy cơ đối với cả hành vi gây và bị bạo lực trong môi trường học đường. Bên cạnh đó, các hành vi nguy cơ (hút thuốc lá, sử dụng bia rượu, hút shisha, sử dụng các chất gây nghiện, kích thích) có mối liên hệ chặt chẽ đến hành vi gây bạo lực, đồng thời những học sinh có hành vi gây bạo lực có tương quan đến việc bị bạo lực và tự gây thương tích cho bản thân. Giới tính là nam liên quan đến tổng hợp hành vi gây bạo lực, bị bạo lực và tự gây thương tích nhiều hơn so với nữ.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, bên cạnh việc truyền thông nhằm tăng cường nhận thức, kỹ năng sống nhằm tránh những xung đột học đường có thể dẫn đến bạo lực, cần có các hoạt động nhằm giúp gia đình nhận biết tầm quan trọng của mức độ gắn kết trong gia đình đối với việc giảm thiểu tình trạng bạo lực học đường trong lứa tuổi học sinh THPT. Ngoài ra, nhằm góp phần kiểm soát hành vi bạo lực ở học sinh lứa tuổi này, gia đình và nhà trường cần phối hợp để giúp học sinh tránh tham gia vào các hành vi nguy cơ và lạm dụng mạng xã hội. ■

### **Tài liệu trích dẫn**

- Agnich et al. 2011. *A cross- National study of school violence*. Blacsburg, VA.
- Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Thị Diễm My. 2014. “*Bạo lực học đường – cần có cái nhìn khoa học về khái niệm*”. Kỷ yếu hội thảo: Thực trạng và giải pháp ngăn chặn bạo lực học đường trong trường phổ thông.
- Lê Thị Hiền. 2014. “*Bạo lực học đường ở các trường trung học phổ thông nhìn từ phía người học*”. Kỷ yếu hội thảo “Thực trạng và giải pháp ngăn chặn bạo lực học đường trong trường phổ thông”.
- Phan Thuận. 2014. “*Các yếu tố tác động đến bạo lực học đường dưới giác độ tiếp cận lý thuyết xã hội học*”. Kỷ yếu hội thảo, Viện Nghiên cứu Giáo dục thuộc Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.